

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
NĂM 2024

- STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách									Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC														
A. NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP			2	4.601.550.200	4.601.550.200	-	3.702.337.599							
	ĐẤT ĐAI, NHÀ CỬA		2	4.601.550.200	4.601.550.200	-	3.702.337.599							
1	Về khuôn viên đất làm trụ sở làm việc (299 m2)		1	105.487.200	105.487.200		105.487.200		x					
2	Văn phòng làm việc		1	4.496.063.000	4.496.063.000		3.596.850.399		x					
B. NGUỒN QUẢN LÝ DỰ ÁN			120	560.159.000	-	560.159.000	-							
I/	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI		5	82.600.000	-	82.600.000	-							
1	Xe Mô tô Wase s đùm	P. TVGS	2	33.400.000		33.400.000	-		x					
2	Xe Mô tô Wase s đùm	P. KT-QLCL; ĐHDA	3	49.200.000		49.200.000	-		x					
II/	MÁY MÓC THIẾT BỊ		17	291.519.000	-	291.519.000	-		x					
1	Máy in Canon LPT 3500	P. ĐHDA	1	17.800.000		17.800.000	-		x					
2	Máy in Laseijel HP 2055D	Văn thư	1	5.980.000		5.980.000	-		x					
3	Máy in Laseijel HP 2055DN	Văn	1	10.950.000		10.950.000	-		x					
4	Máy VT bàn Core 15-3470S M	P.KT-QLCL, Liễn	2	27.000.000		27.000.000	-		x					

- STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách									Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
5	Máy VT xách tay Dell Vostro V3559-GJJNK1 i5-6200U	A Danh	1	12.950.000		12.950.000	-		x					
6	Máy VT xách tay Dell Vostro V3559-GJJNK1 i5-6200U	T.Tiến, Hoàn, Linh, P.KT-QLCL	4	51.800.000		51.800.000	-		x					
7	Máy VT xách tay Dell Vostro V3559-GJJNK1 i5-6200U	P. TC-KH, Sơn	2	25.900.000		25.900.000	-		x					
8	Máy VT xách tay Dell Vostro V3559-GJJNK1 i5-6200U	Khoa, Hoàng, H.Anh, Việt	4	51.800.000		51.800.000	-		x					
9	Máy photocopy Sharp	P. TC-KH	1	87.339.000		87.339.000	-		x					
III/	VẬT TƯ VĂN PHÒNG		98	186.040.000	-	186.040.000	-							
1	Nhóm bàn ghế, kệ, tủ văn phòng		23	37.600.000	-	37.600.000	-		x					
	Tủ tài liệu	A Quang	1	4.300.000		4.300.000	-		x					
	Tủ hồ sơ 1,8m	Giám đốc	1	5.850.000		5.850.000	-		x					
	Bàn họp mặt kính	Giám đốc	1	3.500.000		3.500.000	-		x					
	Ghế họp chân quỳ	Giám đốc	4	2.600.000		2.600.000	-		x					
	Kệ hồ sơ sắt 1,2m	Kho	6	9.480.000		9.480.000	-		x					
	Kệ hồ sơ sắt 1,45m	Kho	2	4.000.000		4.000.000	-		x					
	Kệ hồ sơ sắt 2,4m	Kho	1	3.350.000		3.350.000	-		x					
	Ghế xoay nhỏ	P. TVGS	6	2.520.000		2.520.000	-		x					

- STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách									Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Bàn làm việc	P. TVGS	1	2.000.000		2.000.000	-		x					
2	Nhóm bàn ghế, kệ, tủ văn phòng		9	25.200.000	-	25.200.000	-		x					
	Bàn làm việc	A Phát	1	3.050.000		3.050.000	-		x					
	Bàn nước	A Phát	1	1.050.000		1.050.000	-		x					
	Ghế xoay lớn	A Danh	1	850.000		850.000	-		x					
	Tủ tài liệu	A Phát	1	6.700.000		6.700.000	-		x					
	Bàn làm việc	A Quang	1	3.050.000		3.050.000	-		x					
	Ghế xoay lớn	A Quang	1	850.000		850.000	-		x					
	Bàn nước	A Hiệp	1	1.050.000		1.050.000	-		x					
	Tủ tài liệu	Khoa	1	4.300.000		4.300.000	-		x					
	Tủ tài liệu	A Tiến	1	4.300.000		4.300.000	-		x					
3	Nhóm bàn ghế, kệ, tủ văn phòng		27	45.950.000	-	45.950.000	-							
	Tủ hồ sơ 1,20m x 2,12m x 0,40m	P. TVGS	1	4.350.000		4.350.000	-		x					
	Bàn làm việc 1,40m x 0,70m	P. TVGS	1	3.500.000		3.500.000	-		x					
	Bàn nước 1,60m x 0,80m mặt kính	P. TVGS	1	2.950.000		2.950.000	-		x					
	Bàn nước 1,60m x 0,80m mặt kính	A Hiệp	1	2.950.000		2.950.000	-		x					
	Ghế xếp	P. TCKH	4	2.080.000		2.080.000	-		x					
	Ghế xếp	P. TCKH	6	3.120.000		3.120.000	-		x					

- STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách									Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Ghế xoay không tay	P. ĐHDA	6	3.900.000		3.900.000	-		x					
	Ghế xoay không tay	P. TC-KH	2	1.300.000		1.300.000	-		x					
	Kệ sắt V lỗ 2,40m x 0,70m	Kho	4	18.000.000		18.000.000	-		x					
	Tủ hồ sơ 2,0m x 2,07m x 0,40m	Kho	1	3.800.000		3.800.000	-		x					
4	Nhóm bàn ghế, kệ làm việc		4	2.800.000	-	2.800.000	-							
	Ghế xoay không tay	P. TC-KH	4	2.800.000		2.800.000	-		x					
5	Nhóm bàn, ghế, tủ công trường	Có DS	26	35.640.000	-	35.640.000	-							
	Bàn làm việc 1,20m x 0,60m x 0,75m	P. ĐHDA	8	14.775.377		14.775.377	-		x					
	Ghế xếp Hòa Phát	P. ĐHDA	16	12.178.492		12.178.492	-		x					
	Tủ hồ sơ Hòa Phát	P. ĐHDA	2	8.686.131		8.686.131	-		x					
6	Bàn làm việc có vách ngăn 1,4x0,7 trắng kem	P. TC-KH	6	24.000.000		24.000.000	-		x					
7	Tủ hồ sơ 0,8x0,4x2,0 trắng kem	P. TC-KH	3	14.850.000		14.850.000	-		x					
C. NGUỒN QUỸ PHÁT TRIỂN HDSN			102	1.233.034.600	-	1.233.034.600	665.640.460							
I/	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI		5	164.500.000	-	164.500.000	97.329.167							
1	Xe Future F1_977.45	P. ĐHDA	1	32.900.000		32.900.000	19.465.833		x					
2	Xe Future F1_976.06	P. ĐHDA	1	32.900.000		32.900.000	19.465.833		x					
3	Xe Future F1_976.31	P. KT-QLCL	1	32.900.000		32.900.000	19.465.833		x					

- STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)			Mục đích sử dụng								
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác		
				Tổng cộng	Trong đó										
					Nguồn ngân sách									Nguồn khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
4	Xe Future F1_977.26	P. TVGS	1	32.900.000		32.900.000	19.465.833		x						
5	Xe Future F1_976.82	P. TVGS	1	32.900.000		32.900.000	19.465.833		x						
II/	MÁY MÓC THIẾT BỊ		45	750.684.000	-	750.684.000	376.616.051								
1	Máy VT xách tay Dell	A Quang	1	14.490.000		14.490.000	-		x						
2	Máy in Canon	P. TVGS	1	6.850.000		6.850.000	-		x						
3	Máy Scan Canon DR-C225	P. TC-KH	1	15.000.000		15.000.000	-		x						
4	Máy VT xách tay Asus Vivo	M Thành, D Anh	2	29.880.000		29.880.000	4.482.000		x						
5	Máy VT xách tay Asus Vivo	A Tiến	1	14.940.000		14.940.000	2.241.000		x						
6	Máy VT xách tay Asus Vivo	A Vũ, P.Hùng, Hiên, Hội trường	4	59.760.000		59.760.000	8.964.000		x						
7	Máy vi tính bàn Core i3-10100	V thư, Triệu, Ân	3	44.850.000		44.850.000	6.727.500		x						
8	Máy vi tính bàn Core i3-10100	Điệp	1	14.950.000		14.950.000	2.242.500		x						
9	Máy vi tính bàn Core i3-10100	Khai	1	14.950.000		14.950.000	2.242.500		x						
10	Máy in Canon LBP223DW	P. TC-KH	1	5.200.000		5.200.000	1.213.333		x						
11	Máy in Canon LBP226DW	P. TC-KH, ĐHDA, KT	3	19.500.000		19.500.000	5.525.000		x						
12	Máy in màu Epson L1300	P. KT-QLCL	1	9.980.000		9.980.000	3.825.667		x						
13	Máy tính bàn AMD Ryzen 5 5600G	Giám đốc	1	14.980.000		14.980.000	7.240.333		x						

- STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)			Mục đích sử dụng								
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác		
				Tổng cộng	Trong đó										
					Nguồn ngân sách									Nguồn khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
14	Máy tính bàn Intel Core i3	P. TC-KH	3	44.358.000		44.358.000	22.918.300		x						
15	Máy tính bàn AMD Ryzen	A Phát	1	14.980.000		14.980.000	8.488.667		x						
16	Máy in Canon LBP 226DW	A Phát	1	9.200.000		9.200.000	5.520.000		x						
17	Máy in Canon LBP 226DW	Giám đốc	1	9.200.000		9.200.000	5.520.000		x						
18	Máy tính bàn Intel Core i5	Dung, Phương B	2	27.960.000		27.960.000	19.106.000		x						
19	Máy tính bàn Intel Core i5	Hải, Hải, Vinh, Vũ	4	55.920.000		55.920.000	38.212.000		x						
20	Máy tính bàn Intel Core i5	Tân, Vũ, Đại, Minh, Tuấn	5	69.900.000		69.900.000	47.765.000		x						
21	Máy tính bàn Intel Core i5	A Minh	1	13.980.000		13.980.000	9.553.000		x						
22	Máy VT xách tay Asus Intel Core i5-1135G7	Q Hùng	1	14.950.000		14.950.000	10.215.833		x						
23	Máy photocopy Bizhub 450i	P. TC-KH	1	81.987.000		81.987.000	56.024.450		x						
24	Hệ thống họp trực tuyến (hội trường)	Hội trường	1	98.890.000		98.890.000	69.223.000		x						
25	Máy tính bàn Ryzen 5 5600G	Liễu	1	14.579.000		14.579.000	12.635.134		x						
26	Máy tính xách tay Dell Vostro 3520	Linh	1	14.960.000		14.960.000	12.965.334		x						
27	Máy tính xách tay Dell Vostro 15 3520	P. TC-KH	1	14.490.000		14.490.000	13.765.500		x						
III/	VẬT TƯ VĂN PHÒNG		46	278.860.600	-	278.860.600	187.146.075								
1	Tủ hồ sơ ván Okal 0,8x0,4x2,0	P. TC-KH	7	34.650.000		34.650.000	10.106.250		x						
2	Kệ sắt 2,4x2,4x0,4	P. TC-KH	6	41.580.000		41.580.000	13.426.875		x						

- STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách									Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Bàn làm việc ván MDP có vách ngăn	P. TVGS	6	21.257.400		21.257.400	15.278.766		x					
4	Ghế xoay không tay	P. TVGS; ĐHDA; KT-QLCL	16	18.363.200		18.363.200	13.198.559		x					
5	Thiết bị nội thất (hội trường)	Hội trường	1	98.450.000		98.450.000	79.990.625		x					
6	Bàn ghế tiếp khách (BGĐ)	BGD	3	29.910.000		29.910.000	25.548.125		x					
7	Tủ hồ sơ (hội trường)	Hội trường	7	34.650.000		34.650.000	29.596.875		x					
IV	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH		6	38.990.000	-	38.990.000	4.549.167							
1	Phần mềm Smartbooks Project Finance 2020	P. TC-KH	1	12.990.000		12.990.000	1.082.500		x					
2	Phần mềm lập dự toán - dự thầu - thẩm tra ADTPro	P. TC-KH	4	16.000.000		16.000.000	3.466.667		x					
3	Phần mềm kế toán HCSN MISA	P. TC-KH	1	10.000.000		10.000.000	-		x					
	TỔNG CỘNG		224	6.394.743.800	4.601.550.200	1.793.193.600	4.367.978.058							